TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị P, sinh năm 1991.

* Bị đơn: Anh Tô Văn G, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị P và anh Tô Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị P và anh Tô Văn G thuận tình ly hôn.

* *Về con chung*: Chị Triệu Thị P và anh Tô Văn G có 02 con chung, cụ thể: Con thứ nhất tên là Tô Thị Ngọc L, sinh ngày 06/12/2010, con thứ hai tên là Tô Đăng K, sinh ngày 03/6/2020 – các bên đương sự thỏa thuận thống nhất như sau: Giao cả hai con chung cho anh Tô Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

* *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Tô Văn G không yêu cầu chị Triệu Thị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Ghi nhận việc chị Triệu Thị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tổng số tiền là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001479 ngày 10/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Triệu Thị P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên + BBHGT;
- VKSND khu vực 7 – Thái Nguyên ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Y;
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, lưu trữ;

THẨM PHÁN

Hoàng Ngọc Anh